TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày 17-10-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiển.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quyết Tiến.

Ông Trần Đình Mạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Q (Tên gọi khác Trần Văn M), sinh năm 1998 tại Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Trần Thị H; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 16-12-2016, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-7-2019 cho đến nay.

"Có mặt".

2. Hoàng Thành N, sinh năm 1999 tại Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị P; có vợ là Vũ Thị Minh T, sinh năm 2001 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 33 ngày 19-7-2019 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

"Có mặt".

3. Trần Văn A, sinh năm 1998 tại Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị B (Đã chết); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 31 ngày 16-7-2019 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

"Có mặt".

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Duyên T, sinh năm 1998. "Vắng mặt"

Nơi cư trú: Xóm 3, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Trần Văn C, sinh năm 1973; "Vắng mặt"

Nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định

+ Chị Vũ Thị Minh T, sinh năm 2001; "Có mặt"

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2002; "Vắng mặt"
- Anh Nguyễn Công Q, sinh năm 1999; "Vắng mặt"
- Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1989; "Vắng mặt"
- Anh Nguyễn Duyên H, sinh năm 1987; "Vắng mặt"
- Chị Vũ Thị D, sinh năm 1977. "Vắng mặt"

Đều cư trú tại: Xóm 3, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Anh Đặng Thế M, sinh năm 1991; "Vắng mặt"

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

- Ông Trần Xuân L, sinh năm 1954; "Vắng mặt"

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 13-6-2019, sau khi uống bia xong Trần Văn Q rủ Hoàng Thành N và Trần Văn A đi bắt trộm mèo trên địa bàn xã T, huyện V, tỉnh Nam Định để giết thịt ăn. Khi đi Q điều khiển xe mô tô BKS 18C1 - 013.23 chở A ngồi sau cầm theo 01 chiếc vợt lưới có cán tre dài 1 mét để sử dụng làm công cụ bắt trộm mèo, N một mình điều khiển xe mô tô SH màu trắng không có biển kiểm soát đi phía sau. Khi đi đến đoạn đường đê thuộc địa phận xã T thì A vợt được 01

con mèo lông màu trắng nặng khoảng 02 kg đang đi ở đường. Q dừng xe xuống đập chết con mèo rồi bỏ vào bao xác rắn mang theo từ trước. Lúc này N có việc nên đi về trước, Q bảo A mang con mèo vừa bắt được sang huyện Nam Trực để bán lấy tiền tiêu. Khi Q và A đi đến xóm 3, xã T thì bị Nguyễn Duyên T, Nguyễn Công Q và Nguyễn Văn T phát hiện. Nghi ngờ Q và A bắt trộm chó, mèo ở xã T nên nhóm của T đã đuổi theo Q và A. Thấy có người đuổi theo Q điều khiển xe mô tô chở A nguồi sau bỏ chạy về phòng trọ của mình ở gần Cầu Giành. Trên đường bỏ chạy Q đánh rơi con mèo vừa lấy trộm được. Khi về đến phòng trọ, Q gọi điện thoại cho N quay lại phòng trọ của Q với mục đích để vây đánh nhóm T đã đuổi theo mình. Sau khi Q gọi thì N quay lại phòng trọ của Q. Khi N vừa đến phòng trọ của Q thì đúng lúc này Q nhìn thấy T, T và Q điều khiển xe mô tô trên quốc lộ 10 đi qua phòng trọ của Q. Ngay lập tức, Q lấy xe mô tô BKS 18C1-013.23 đuổi theo để chặn đánh nhóm của T. Thấy vậy N cũng điều khiển xe mô tô SH của mình chở A nguồi sau cầm theo chiếc gậy tre có gắn vợt lưới đuổi theo nhóm T để tham gia chặn đánh cùng Q. Khi đuổi đến lối rẽ vào thôn D, xã T thì Q đuổi kịp, ép xe T đi chậm lại rồi dùng chân đạp vào xe mô tô của T làm T và xe ngã đổ ra đường. Lúc này Q, N và A dừng xe xuống lao vào đánh T, khi đánh thì N dùng tay không còn Q và A dùng gậy tre đánh vào người T làm T bị thương nhẹ. Thấy T bị nhóm Q đánh thì T và Q điều khiển xe quay lại giải cứu T. Khi quay lại thì T dùng bình xịt hơi cay mà T mang theo sẵn xịt về hướng của Q, N và A đang đứng để cho T chạy thoát. Nhưng Q cầm đoạn luồng nhặt được ở ven đường ném về phía T và Q thấy vậy Q và T lên xe bỏ chạy. Khi bị Q, A và N đánh thì T có xin tha nhưng Q không tha và nói: "*Đ.m mày, tý lên kia mày chết với tao*", nói xong thì Q bảo với N và A là đưa T đi về thị trấn G nhằm mục đích bắt T phải gọi điện thoại cho T và Q lên để đánh trả thù. N và A đồng ý. Sau đó, Q bắt T ngồi lên phía bụng xe trước của mình rồi dùng hai chân kẹp T vào giữa để không cho T nhảy khỏi xe và bỏ trốn, điều khiển xe đi trên quốc lộ 10 hướng về thị trấn G rồi rẽ vào đường đi thôn B, xã K. A điều khiển xe của T còn N thì điều khiển xe của N đi sau Q. Khi đi đến gần nghĩa trang thì Q dừng xe bắt T xuống xe rồi cả Q, A và N dùng chân tay để đánh T. Lúc này, T sợ hãi và van xin nhóm của Q không đánh nữa và thả T ra để mai còn đi làm. Nhưng nhóm của Q không đồng ý. Q nói với N và A bắt, giữ T đưa về phòng trọ của Q ở gần Cầu Giành. Khi chuẩn bị đi thì Q lại nói với N và A là đưa T về phòng trọ của N ở thôn T, xã H (Q sợ về phòng trọ của mình thì Q và T sẽ phát hiện ra và gọi nhiều người ra đánh lại vì Q và T biết phòng trọ của Q). N và A đồng ý. Q tiếp tục bắt T phải ngồi vào vị trí bụng xe của Q như lúc trước. A điều khiển xe mô tô của T còn N điều khiển xe mô tô của N đi về phòng trọ của N.

Khi về tới phòng trọ, N mở cửa phòng cho Q và A đưa T và xe của T vào, rồi A khóa trái cửa để không cho T bỏ trốn. Khi ở trong phòng trọ thì Q, N và A

tiếp tục bắt T gọi điện thoại cho T và Q đến gặp nhóm của Q. Tuy nhiên T không có điện thoại nên không liên lạc được với T và Q. Sau đó, Q đi về phòng trọ của mình còn N và A ở lại canh giữ T.

Khoảng 03 giờ sáng ngày 14-6-2019 thì N điều khiển xe mô tô đi mượn sạc điện thoại, A một mình ở lại khóa cửa phòng trọ, canh coi không cho T bỏ trốn. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày thì Q quay trở lại phòng trọ của N thì A ra mở cửa cho Q vào phòng rồi lại khóa cửa lại. Một lúc sau có hai bạn của N là H và T (Hiện chưa xác định được, địa chỉ cụ thể) đi đến phòng trọ, A ra mở cửa sau đó lại khóa cửa lại. Đến khoảng 05 giờ 30 phút sáng ngày 14-6-2019 do phòng trọ của N nóng bức nên Q bắt T ra nhà nghỉ và nói: "*Mày đi lên nhà nghỉ ngủ với tao, xong sáng mai gọi hai thằng kia đến đây rồi tao cho mày về*". Q bắt T ngồi lên xe mô tô của Q rồi chở đến Nhà nghỉ 68 thuộc xã M, huyện L, bắt giữ T ở phòng 303. Khi Q bắt T đi ra nhà nghỉ 68 thì A không đi theo Q mà đi về nhà mình. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14-6-2019, N đến nhà nghỉ 68 gặp Q và thông báo cho Q biết là người nhà T đang đi tìm T. Sau đó, Q và N đã chở T quay về phòng trọ của N rồi trả lại chiếc xe mô tô cho T và thả T về.

Quá trình điều tra, Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số 38/CT - VKSVB ngày 17-9-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Các bị cáo Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi bắt, giữ anh T đúng như nội dung đã nêu trên và xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

* Chị Vũ Thị Minh T trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda màu sơn trắng đen, xe không có biển kiểm soát bị Công an thu giữ là của chị. Trước đây xe có biển kiểm soát là 18F1-21434 nhưng đã bị đánh rơi. Chị không biết N mang xe mô tô của mình đi đâu, làm gì. Nay chị có nguyện vọng được xin lại chiếc xe mô tô để làm phương tiện đi lại cho gia đình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố hành vi của các bị cáo về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thành N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn A từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vợt, có cán làm bằng tre dài 1m, miệng vợt có hình tròn đường kính 45 cm, gắn với miệng vợt là túi lưới dài 90cm; 02 hai que tre, que tre dài nhất là 120cm, que ngắn nhất là 75cm và 01 con dao Thái lan.

+ Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda màu sơn trắng đen, xe không có biển kiểm soát cho chị Vũ Thị Minh T và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX AT màu vàng đồng, xe không có biển kiểm soát cho ông Trần Văn C;

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Các bị cáo Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án như: Lời khai của người bị hại và những người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 14-6-2019, Biên bản nhận dạng và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp lệ trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 14-6-2019, Trần Văn

Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A đã có hành vi dùng vũ lực, khống chế để bắt, giữ anh Nguyễn Duyên T đưa về phòng trọ của Hoàng Thành N ở thôn T, xã H. Sau đó, Trần Văn Q lại đưa anh T đến nhà nghỉ 68 ở xã M, huyện M và giữ anh T trong phòng 303, trái với ý muốn của anh T cho đến khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày thì mới thả cho anh T về.

Hành vi như đã nêu trên của các bị cáo Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" , tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ và còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó hành vi nêu trên của các bị cáo rất là nguy hiểm cho xã hội.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo Q có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án đưa ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" còn bị cáo N và A có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật gì.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 16-12-2016, bị cáo Trần Văn Q bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội do cố ý, lần phạm tội này là tái phạm do đó bị cáo Q phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Hai bị cáo Hoàng Thành N và Trần Văn A không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cả ba bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo N và A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, cả ba bị cáo đều là người thực hành, trực tiếp dùng vũ lực khống chế, bắt giữ người trái với ý muốn của bị hại.

[6]. Về đường lối xử lý về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào vị trí, vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Q có một tiền

án nhưng Q không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Q mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Đối với bị cáo N và A đều phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc vợt; 02 hai que tre và 01 con dao Thái lan là vật chứng không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda màu sơn trắng đen của chị Vũ Thị Minh T và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX AT màu vàng đồng của ông Trần Văn C, do chị T và ông C không biết N và Q sử dụng xe mô tô của mình vào việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu.

[7]. Khi bắt, giữ anh Nguyễn Duyên T thì Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A có dùng tay chân đánh anh T. Nhưng do vết thương nhẹ, chỉ bị xước da nên anh T không yêu cầu bồi thường. Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q, N và A mỗi đối tượng 2.000.000 đồng theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị Định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Về hành vi trộm cắp tài sản của Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A ngày 13-6-2019, quá trình điều tra xác minh chưa truy tìm được bị hại và tài sản trộm cắp là 01 con mèo nên không xác định được giá trị tài sản để phục vụ việc xử lý các đối tượng. Hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, cơ quan điều tra Công an huyện V tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo Hoàng Thành N và Trần Văn A.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M), Hoàng Thành N và Trần Văn A phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M) 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27-7-2019.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thành N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn A 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thành N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn A cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vợt, có cán làm bằng tre dài 1m, miệng vợt có hình tròn đường kính 45 cm, gắn với miệng vợt là túi lưới dài 90cm; 02 hai que tre, que tre dài nhất là 120cm, que ngắn nhất là 75cm và 01 con dao Thái lan (Dạng dao gọt hoa quả), kích thước lưỡi dao dài 11cm, bản dao rộng 3cm, chuôi dao màu đen làm bằng nhựa dài 10 cm, dao có một lưỡi, mũi nhọn.

Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda màu sơn trắng đen, xe không có biển kiểm soát, có số khung 4223FY021119, số máy JF42E1021080 cho chị Vũ Thị Minh T.

Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX AT màu vàng đồng, xe không có biển kiểm soát, có số khung RLHJA0800B1511783, số máy JA08E-0016598 cho ông Trần Văn C

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Văn Q, Hoàng Thành N và Trần Văn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo và chị Vũ Thị Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và ông Trần Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án. Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Nam Định;
- UBND xã K;
- UBND xã H;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiển